TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 14/2025/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 27 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 71; 81; 82; 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Bà **Cù Thị Ngọc Y**, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn Q, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông **Trần Quốc T**, sinh năm 1983.

Trú tại: Số 1, đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cù Thị Ngọc Y và ông Trần Quốc T kết hôn vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L nay là xã Đ, tỉnh Lâm. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có thời gian tìm hiểu nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Ông bà chung sống tại số 5 T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, cuộc sống chung không hòa hợp. Hiện nay ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng hòa giải nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức và không trái pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 02/8/2003 và Trần Ngọc Gia L1, sinh ngày 17/7/2017. Khi ly hôn ông bà thoả thuận giao con chung Trần Ngọc Gia L1 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng và ông T cấp dưỡng với mức 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2025 cho đến ngày con chung thành niên. Đối với con chung Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 02/8/2003 hiện nay đã thành niên nên ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà có văn bản thoả thuận giải quyết về tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Bà Cù Thị Ngọc Y nhận chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cù Thị Ngọc Y và ông Trần Quốc T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Cù Thị Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Gia L1, sinh ngày 17/7/2017 cho đến ngày thành niên; ông Trần Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung với mức 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2025 cho đến ngày con chung trưởng thành.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Bà Cù Thị Ngọc Y nhận nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồn*g) đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004549 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng do bà Y nộp. Bà Y đã nộp đủ lệ phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Số 88, quyển số 01, ngày đăng ký 30/3/2005 tại UBND TT L);
- Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân gia đình.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Hạnh